

# GIẢNG DẠY THEO NGUYÊN TẮC “TƯƠNG THÍCH KIẾN TẠO” TRONG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP NHẪM NÂNG CAO NĂNG LỰC CỦA SINH VIÊN

Lê Hoàng Dũng<sup>1,+</sup>,  
Trương Thị Thanh Thảo<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia  
Thành phố Hồ Chí Minh; <sup>2</sup>Trường Cao đẳng Du lịch Sài Gòn  
+ Tác giả liên hệ • Email: lehoangdung@hcmussh.edu.vn

## Article history

Received: 10/9/2022

Accepted: 26/10/2022

Published: 05/01/2023

## Keywords

Constructive Alignment,  
teaching activities, output  
standards, assessment of  
learning, constructivist  
theory, vocational education.

## ABSTRACT

In order to meet the requirements of society in providing the labor market with professional and highly qualified human resources, it is necessary for vocational education institutions to enhance the quality of training to equip their graduates with appropriate professional knowledge and skills. One of the solutions to this issue is applying Constructive Alignment (Biggs, 1996) to teaching. Constructive Alignment is one of the most influential ideas in education (Houghton, 2004). The outstanding feature of Constructive Alignment is to establish an alignment of learning outcomes, teaching - learning activities based on Constructivism Theory (Piaget, 1950) and assessment to help students develop competencies to meet job requirements. This article presents the research results at a vocational institution in Ho Chi Minh City and proposes some solutions to promote the role of Constructive Alignment in ensuring and enhancing the quality of training to meet the core requirements of teaching, learning and assessment.

## 1. Mở đầu

Giáo dục nghề nghiệp ngày nay đang đứng trước những yêu cầu về đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng với nhu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao động trong giai đoạn Việt Nam đang hội nhập quốc tế. Thách thức đặt ra đối với không ít các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong nước là nâng cao công tác giảng dạy nhằm trang bị cho SV những kiến thức, kỹ năng, thái độ đáp ứng với những tiêu chuẩn nghề nghiệp trong xã hội hiện nay.

Bàn về vấn đề nâng cao chất lượng đào tạo nói chung và giảng dạy nói riêng, có không ít các lý thuyết về giảng dạy đang được áp dụng trên thế giới nhằm giúp người học tối ưu kiến thức đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo. Nổi bật trong đó là giảng dạy theo nguyên tắc Constructive Alignment (tạm dịch là “Tương thích kiến tạo” (Lê Văn Hào, 2020)) của Biggs (1996). Giảng dạy theo Tương thích kiến tạo (TTKT) đòi hỏi sự đồng bộ hay còn gọi là tương thích giữa các yếu tố gồm chuẩn đầu ra (hay còn gọi là kết quả học tập mong đợi - expected learning outcomes), hoạt động dạy và học (teaching and learning) và đánh giá kết quả học tập (assessment). Nhờ vào sự tương thích này, người dạy có thể định hướng cụ thể các nội dung và hoạt động giảng dạy, tạo môi trường và điều kiện thuận để người học có thể chủ động học tập một cách tích cực và sáng tạo cả trong và ngoài lớp học, từ đó năng lực của người học được phát triển ở mức tốt nhất sau khi kết thúc khóa học. Đây chính là mục tiêu đào tạo mà các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hiện nay đang hướng đến và việc vận dụng nguyên tắc TTKT để nâng cao chất lượng giảng dạy trong giáo dục nghề nghiệp có thể sẽ trở thành một xu hướng tất yếu trong giáo dục hiện nay.

Xuất phát từ những yêu cầu của tình hình hiện nay, bài báo tìm hiểu về hoạt động giảng dạy của giảng viên (GV) nhà trường theo hướng tiếp cận của nguyên tắc TTKT và đề xuất một số kiến nghị giúp công tác giảng dạy của nhà trường đáp ứng yêu cầu của nguyên tắc TTKT.

## 2. Kết quả nghiên cứu

### 2.1. Một số vấn đề lý luận

#### 2.1.1. Giảng dạy tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Giảng dạy tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đòi hỏi phải trang bị được cho SV những kiến thức, kỹ năng, thái độ nghề nghiệp cần thiết đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp, có thể làm việc ngay sau khi tốt nghiệp và dễ dàng hòa nhập với đa dạng môi trường làm việc. Các cơ sở giáo dục ngày nay đã có những nghiên cứu để đưa ra những chuẩn đầu ra cho từng ngành nghề đào tạo thích hợp với các tiêu chí việc làm được doanh nghiệp mong đợi. Do vậy, các hoạt động giảng dạy của GV phải tương thích với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, đồng thời GV cần phải

thực hiện được vai trò hướng dẫn SV thực hiện các nhiệm vụ học tập một cách chủ động, độc lập và sáng tạo để SV có thể tối ưu hóa năng lực học tập đáp ứng các chuẩn đầu ra đó.

### 2.1.2. Giảng dạy theo nguyên tắc Tương thích kiến tạo

Các quan điểm giáo dục là một quá trình chủ động và kiến tạo theo Dewey (1923) và theo thuyết kiến tạo của Piaget (1950) đã là tiền đề cho sự thay đổi từ giảng dạy theo tiếp cận “lấy người dạy làm trung tâm” sang giảng dạy theo tiếp cận “lấy người học làm trung tâm”. Việc học diễn ra thông qua hành vi chủ động của người học: học là những gì người học thực hiện, không phải những điều giáo viên thực hiện (Tyler, 1949), các hoạt động người học thực hiện giúp họ xây dựng nên kiến thức cho bản thân. Shuell (1986) cho rằng những điều mà người học thực hiện được mới thật sự quan trọng trong việc quyết định các nội dung giảng dạy hơn là những điều mà giáo viên thực hiện. Nhiệm vụ của người dạy là tạo điều kiện thuận lợi cho người học thực hiện các nhiệm vụ học tập (Cross & Paris, 1988), các nhiệm vụ học tập đó chính là kết quả đầu ra mong đợi được thể hiện trong chương trình đào tạo, hay còn được gọi là chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Kế thừa các quan điểm giảng dạy hiện đại, Biggs (1996) đã giới thiệu nguyên tắc TTKT trong giáo dục nhằm giúp người học phát huy tối đa năng lực của mình trong quá trình học tập để đạt được chuẩn đầu ra của môn học và của chương trình đào tạo.

Nguyên tắc TTKT của Biggs đang trở thành một lý thuyết giáo dục có tầm ảnh hưởng lớn đến công tác phát triển chương trình đào tạo (Kandlbinder, 2014). Nguyên tắc TTKT có nền tảng dạy học dựa trên kết quả đầu ra (outcome-based education) (Spady, 1994), trong đó những kết quả đầu ra mà SV dự kiến đạt được phải được xác định trước khi giảng dạy, các hoạt động giảng dạy sau đó sẽ được thiết kế nhằm thu hút SV thực hiện các hoạt động học tập để tối ưu hóa cơ hội thực hiện được kết quả đầu ra, và kiểm tra đánh giá được thiết kế để đo sự tương thích giữa hoạt động học tập với các kết quả đầu ra mong đợi đó (Biggs, 2014). Nguyên tắc TTKT đã và đang trở thành một trong những sáng kiến có sức ảnh hưởng lớn trong giáo dục cao đẳng, đại học (Houghton, 2004), nguyên tắc này đã dịch chuyển mô hình giảng dạy lấy người dạy làm trung tâm sang mô hình giảng dạy “lấy người học làm trung tâm” (Trần Nga và Nguyễn Thanh Tú, 2011). Một hệ thống giảng dạy tốt là có thể đồng bộ phương pháp giảng dạy và đánh giá các hoạt động học tập đã được nêu trong các mục tiêu giảng dạy, sao cho các yếu tố, các chiều kích hay các hợp phần trong hệ thống giảng dạy đó đều phù hợp trong việc hỗ trợ việc học tập của người học (Biggs, 1999). Như vậy, nguyên tắc TTKT có thể là một lựa chọn dành cho các cơ sở giáo dục đang muốn nâng cao công tác đào tạo nói chung và giảng dạy nói riêng để đảm bảo cho SV đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

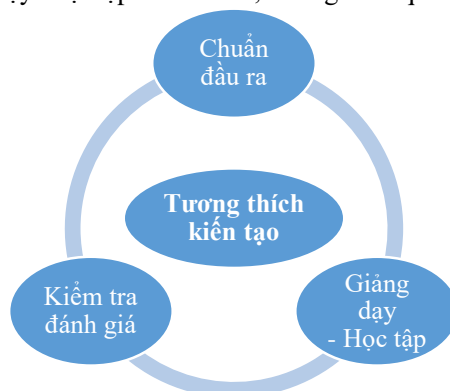
Tuy kế thừa quan điểm giảng dạy theo tiếp cận kết quả đầu ra của Spady (1994) nhưng TTKT lại đề cao hoạt động học tập của SV để đạt được kết quả đầu ra mong đợi, nghĩa là người GV đóng vai trò hoạch định, dẫn dắt và chỉ huy người học thực hiện các hoạt động học tập một cách chủ động, độc lập và sáng tạo để xây dựng nên kiến thức cho bản thân. Nguyên tắc TTKT là một sự kết hợp của hai nền tảng lý thuyết trong giáo dục đó là *nguyên tắc tương thích* và *thuyết kiến tạo* (Piaget, 1950), trong đó:

- *Nguyên tắc tương thích (Alignment)* là một “vòng tròn” tương thích giữa các yếu tố trong chương trình đào tạo như chuẩn đầu ra, hoạt động dạy và học, và các hoạt động và hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học. Tính tương thích trong nguyên tắc TTKT giúp cho người học tăng nhận thức về môi trường học tập của mình (Wang et al., 2013). Để đạt được sự tương thích này thì các thành tố kể trên phải có mối liên hệ biện chứng với nhau, chuẩn đầu ra trở thành kim chỉ nam cho việc thiết kế các hoạt động dạy và học, và cách thức đánh giá kết quả học tập.

- *Thuyết kiến tạo (Constructivism Theory)*: Quan điểm chính của lý thuyết này là tri thức của người học không phải được tiếp thu một cách thụ động từ người dạy mà người học sẽ chủ động xây dựng nên kiến thức của riêng mình với một sắc thái đặc trưng mang tính cá nhân thông qua hai quá trình là đồng hóa (Assimilation) và điều ứng (Accommodation) (Piaget, 1950). *Đồng hóa* nghĩa là người học khai thác và vận dụng những kiến thức sẵn có để giải quyết những tình huống mới trong quá trình học tập. Ở giai đoạn này, GV sẽ đóng vai trò là người khơi gợi cho SV những kiến thức cũ và dẫn dắt họ vận dụng kiến thức đó giải quyết các tình huống học tập. *Điều ứng* là bản thân SV điều chỉnh những kiến thức cũ và bổ sung những thông tin mới để tạo dựng nên kiến thức mới và vận dụng vào thực tiễn. Các hoạt động giảng dạy mang tính kiến tạo đòi hỏi GV phải đóng vai trò là người hướng dẫn và hỗ trợ người học chủ động kiến tạo nên kiến thức mới dựa trên nền tảng kiến thức cũ chứ không phải truyền đạt tri thức cho người học.

Theo hình 1, TTKT là một cách thiết kế giảng dạy, trong đó bước đầu tiên đó chính là xác định rõ những chuẩn đầu ra (hay kết quả học tập mong đợi) mà người học cần phải đạt được, những chuẩn đầu ra này cần phải được nêu rõ trước khi thực hiện các hoạt động giảng dạy. Các hoạt động giảng dạy được thiết kế dựa trên các chuẩn đầu ra này và phải có tính kích thích SV thực hiện các hoạt động học tập một cách chủ động, tích cực nhằm giúp SV tối ưu hóa khả năng đạt được chuẩn đầu ra. Kiểm tra, đánh giá cũng được thiết kế dựa trên các chuẩn đầu ra này với mục đích

là so sánh khả năng thực hiện của SV với chuẩn đầu ra. Với quy trình thực hiện như vậy sẽ tạo được sự tương thích giữa ba yếu tố chuẩn đầu ra, giảng dạy - học tập và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập.



Hình 1. Sự tương thích của chuẩn đầu ra, giảng dạy - học tập và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Trong quá trình giảng dạy, để các hoạt động của GV có thể đáp ứng yêu cầu của TTKT thì đòi hỏi tất cả các hoạt động từ giai đoạn chuẩn bị, thực hiện tại lớp và kiểm tra, SV đều phải tương thích với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và đánh giá kết quả học tập, đồng thời các hoạt động giảng dạy của GV phải hướng về SV, giúp SV có thể học tập một cách chủ động, độc lập và sáng tạo, tối ưu hóa năng lực thực hiện đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình.

## 2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện bằng phương pháp điều tra bằng phiếu khảo sát được thực hiện với hai nhóm đối tượng là GV và SV của nhà trường. Trong đó, phiếu khảo sát thứ nhất được thực hiện với 80 GV của nhà trường nhằm tìm hiểu nhận thức của GV và thực tế các hoạt động dạy học và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học mà GV thực hiện theo lý thuyết TTKT. Phiếu khảo sát thứ hai được thu thập ý kiến từ 128 SV của nhà trường nhằm giúp có thêm một góc nhìn khác về các hoạt động dạy học của GV cũng như kiểm tra, đánh giá. Hai phiếu hỏi cho hai nhóm đối tượng nghiên cứu này được thiết kế trên nền tảng của lý thuyết tương tích kiến tạo (hình 1) làm cơ sở lý luận.

Bên cạnh đó, việc tổng hợp, nghiên cứu sâu và phân tích các văn bản, tài liệu liên quan đến các khái niệm, đến việc áp dụng lý thuyết này cũng là một phần quan trọng trong đề tài. Dữ liệu thu thập từ khảo sát được xử lý bằng phương pháp thống kê toán học trên phần mềm SPSS 23 để tính các chỉ số tần số, điểm trung bình (ĐTB), độ lệch chuẩn (ĐLC). Trong khuôn khổ của một bài báo khoa học, chúng tôi chỉ tập trung trình bày một số vấn đề cốt lõi.

## 2.3. Thực trạng giảng dạy theo nguyên tắc Tương thích kiến tạo tại một cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh

Kết quả nghiên cứu cho thấy, GV nhà trường có nhận thức rất cao về việc thực hiện giảng dạy theo TTKT (ĐTB = 4.30), đây chính là một lợi thế mà nhà trường có được khi triển khai thực hiện giảng dạy theo TTKT. Nhờ vào nhận thức tốt, GV đã có những công tác chuẩn bị đáp ứng yêu cầu của TTKT (ĐTB = 4.20). GV đã tìm hiểu rõ về chuẩn đầu ra của môn học đang giảng dạy và sử dụng các chuẩn đầu ra đó để xây dựng các mục tiêu giảng dạy cho từng buổi học. Chuẩn đầu ra môn học trở thành “kim chỉ nam” cho tất cả các hoạt động giảng dạy của GV trong từng buổi học.

Bảng 1 trình bày kết quả khảo sát về hoạt động giảng dạy tại lớp của GV theo nguyên tắc TTKT. Trong quá trình giảng dạy ở giai đoạn này, các hoạt động của GV được đánh giá là “thường xuyên” thực hiện như phổ biến CĐR và các quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập (ĐTB = 4.01; ĐLC = 0.68), giúp SV định hướng mục tiêu học tập cho phù hợp với CĐR (ĐTB = 3.98; ĐLC = 0.76) và xây dựng các hoạt động hữu ích để SV đạt được CĐR (ĐTB = 4.17; ĐLC = 0.66). Tuy nhiên các hoạt động giảng dạy của GV chỉ “thỉnh thoảng” giúp SV chủ động xây dựng kiến thức (ĐTB = 3.38; ĐLC = 0.88), khuyến khích SV học tập một cách độc lập (ĐTB = 3.39; ĐLC = 0.88) và khuyến khích SV sáng tạo trong học tập (ĐTB = 3.33; ĐLC = 0.90). Điều này cho thấy GV đang chú trọng đến việc xây dựng các hoạt động giảng dạy và học tập cho tương thích với CĐR, nhưng chưa thực hiện được các hoạt động giảng dạy mang tính kiến tạo giúp SV học tập một cách chủ động, độc lập và sáng tạo để SV tự xây dựng kiến thức cho bản thân. Đây là một hạn chế đáng lưu ý trong quá trình thực hiện giảng dạy theo nguyên tắc TTKT, bởi vì các hoạt động giảng dạy phải đáp ứng đồng thời cả hai yêu cầu cốt lõi của nguyên tắc này là xây dựng sự tương thích giữa CĐR, hoạt động dạy - học và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV, đồng thời các hoạt động giảng dạy phải theo tiếp cận lý thuyết Kiến tạo nhằm giúp cho người học tự xây dựng kiến thức mới trên nền tảng kiến thức cũ. Kết quả

nghiên cứu đã chỉ ra rằng hoạt động giảng dạy tại lớp của GV vẫn chưa hoàn toàn đáp ứng được những yêu cầu của nguyên tắc TTKT.

*Bảng 1. Đánh giá về hoạt động giảng dạy tại lớp của GV theo nguyên tắc TTKT*

STT	Nội dung	ĐTB	ĐLC
1	GV phổ biến cho SV về CDR môn học và cách kiểm tra, đánh giá của môn học khi bắt đầu khóa học.	4.01	.68
2	GV định hướng mục tiêu học tập cho SV là đạt CDR môn học.	3.98	.76
3	Các hoạt động giảng dạy GV thực hiện tại lớp trong mỗi buổi học đều có liên quan đến CDR môn học đã được phổ biến.	4.10	.76
4	GV giúp SV chủ động xây dựng kiến thức trong quá trình học tập.	3.38	.88
5	GV khuyến khích SV học tập một cách độc lập.	3.39	.88
6	GV khuyến khích SV sáng tạo trong học tập.	3.33	.90
7	Các hoạt động giảng dạy GV thực hiện hữu ích cho SV đạt được CDR môn học.	4.17	.66
	<i>ĐTB</i>	<i>3.69</i>	<i>.69</i>

Bảng 2 trình bày sơ lược kết quả khảo sát GV tự nhận định về hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV theo nguyên tắc TTKT. Ở giai đoạn này nhận thấy rằng GV đã “thường xuyên” sử dụng nhiều hình thức kiểm tra để đánh giá kết quả học tập của SV (ĐTB = 3.70; ĐLC = 0.74) và thực hiện đánh giá kết quả học tập của SV dựa trên CDR môn học (ĐTB = 3.88; ĐLC = 0.78). Tuy nhiên, GV vẫn còn “thỉnh thoảng” đánh giá kết quả học tập của SV bằng cách so sánh năng lực giữa các SV với nhau (ĐTB = 2.73; ĐLC = 1.15). Đây là một trong những hoạt động không phù hợp trong công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập theo nguyên tắc TTKT, vì cách làm này thể hiện đánh giá một cách chủ quan từ phía GV. Đánh giá học tập theo nguyên tắc TTKT là phải đối chiếu năng lực thực hiện của SV sau khi hoàn thành khóa học với CDR của môn học, đây là cách đánh giá mang tính khách quan và có cơ sở vững chắc để đưa ra các lập luận về đánh giá học tập. Có thể nói, trong quá trình đánh giá học tập, GV vẫn còn có những hạn chế để đảm bảo công tác giảng dạy đang thực hiện theo đúng yêu cầu của nguyên tắc TTKT.

*Bảng 2. Đánh giá về hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV theo nguyên tắc TTKT*

STT	Nội dung	Điểm trung bình (ĐTB)	Độ lệch chuẩn (ĐLC)
1	GV sử dụng nhiều hình thức kiểm tra để đánh giá KQHT của SV trong một khóa học.	3.70	.74
2	SV đã thể hiện được tối đa kiến thức, kĩ năng mình học được thông qua các bài kiểm tra của GV.	3.39	.84
3	GV đánh giá KQHT SV dựa trên các CDR môn học.	3.88	.78
4	GV đánh giá KQHT của SV bằng cách so sánh năng lực giữa các SV với nhau.	2.73	1.15
5	Sau khi có được kết quả đánh giá học tập của SV, GV hướng dẫn SV điều chỉnh hoạt động học tập.	3.75	0.89
6	Sau khi có được kết quả đánh giá học tập của SV, GV điều chỉnh hoạt động giảng dạy của mình cho phù hợp đối với lớp của SV.	3.38	.98
	<i>ĐTB</i>	<i>3.47</i>	<i>.49</i>

Qua khảo sát GV và SV của nhà trường về nhận thức và hoạt động giảng dạy của GV theo nguyên tắc TTKT nhận thấy rằng mặc dù GV có ý thức cao trong việc thực hiện giảng dạy theo nguyên tắc này, nhưng vẫn còn tồn tại những hạn chế khiến công tác giảng dạy không đáp ứng hai yêu cầu đặt ra của nguyên tắc TTKT. Đáng chú ý nhất là các hoạt động của GV thực hiện tại lớp chưa phù hợp với yêu cầu về kiến tạo, chưa tạo điều kiện cho SV học tập một cách chủ động, độc lập và sáng tạo cũng như chưa phát huy được vai trò là người dẫn dắt và hỗ trợ SV chủ động xây dựng kiến thức mới trên nền tảng kiến thức đã có sẵn. Đồng thời trong quá trình đánh giá học tập vẫn còn tồn tại việc so sánh năng lực giữa các SV với nhau, điều này tạo sự chủ quan trong quá trình đánh giá học tập. Những hạn chế nêu trên đều có liên quan đến phương pháp và kĩ năng giảng dạy của GV, do vậy lãnh đạo nhà trường cần quan tâm và khắc phục để công tác giảng dạy được nâng cao, đáp ứng yêu cầu của nguyên tắc TTKT, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

### 2.3. Một số đề xuất

Điểm nổi bật của nguyên tắc TTKT là vừa tạo một khối liên kết chặt chẽ giữa CDR, hoạt động dạy-học và kiểm tra, đánh giá học tập, vừa đề cao vai trò của người học trong quá trình giảng dạy. Vì vậy, các hoạt động giảng dạy theo nguyên tắc TTKT phải “lấy người học làm trung tâm”, vai trò của người thầy lúc này là dẫn dắt và hỗ trợ người

học xây dựng kiến thức mới thông qua các hoạt động học tập trải nghiệm. Thiếu đi tính chất này trong hoạt động giảng dạy của GV thì hoạt động giảng dạy chưa được xem là phù hợp với nguyên tắc. Kết quả khảo sát đã chỉ ra rằng GV chưa thực hiện được các hoạt động giảng dạy mang tính kiến tạo để đáp ứng yêu cầu của nguyên tắc TTKT, chính vì vậy nhà trường cần có giải pháp để nâng cao hoạt động giảng dạy của GV.

Trước tiên, nhà trường cần tổ chức những chương trình tập huấn giúp GV nắm vững kiến thức về giảng dạy theo nguyên tắc TTKT và bồi dưỡng những kỹ năng và phương pháp giảng dạy theo thuyết kiến tạo, “lấy người học làm trung tâm”, tạo môi trường thuận lợi để SV học tập một cách chủ động, độc lập và sáng tạo. Những phương pháp giảng dạy thích hợp sẽ giúp SV phát huy tối đa năng lực học tập của mình để đạt được CDR của môn học nói riêng và cả chương trình đào tạo nói chung.

Bên cạnh đó, những nhà quản lý chuyên môn như Trưởng khoa và Tổ trưởng bộ môn cần có những quy trình theo dõi, kiểm tra, đánh giá GV thực hiện giảng dạy theo nguyên tắc TTKT, nhận xét công tác giảng dạy với tinh thần xây dựng giúp GV kịp thời nhận biết và khắc phục những hạn chế trong quá trình giảng dạy theo nguyên tắc TTKT, từ đó nâng cao tinh thần của GV trong việc tích cực giảng dạy theo nguyên tắc này.

### 3. Kết luận

Vận dụng nguyên tắc TTKT trong giảng dạy để nâng cao chất lượng đào tạo tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp là một phân tử yếu tố trong xu thế giáo dục hiện nay và đem đến nhiều lợi ích cho nhà quản lý giáo dục, người dạy, người học và xã hội. Để có thể vận dụng nguyên tắc TTKT vào giảng dạy tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp một cách thành công và đạt kết quả như mong đợi thì không thể chỉ phụ thuộc vào GV và SV mà còn phụ thuộc vào những đối tượng như nhà quản lý trường học và các doanh nghiệp trong xã hội. Các bên liên quan này cũng cần hỗ trợ và tạo điều kiện cho việc đồng bộ hóa các hoạt động nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp nói riêng và trong xã hội nói chung.

### Tài liệu tham khảo

- Biggs, J. (1996). Enhancing teaching through constructive alignment. *Higher education*, 32(3), 347-364.
- Biggs, J. (2014). Constructive alignment in university teaching. *HERDSA Review of Higher Education*, 1, 5-22.
- Biggs, J., & Tang, C. (2007). *Teaching for quality learning at university*. Berkshire, England: McGraw-Hill.
- Biggs, J., & Tang, C. (2011). *Teaching for Quality Learning at University (4th ed)*. Society for Research into Higher Education & Open University Press. Maidenhead: UK.
- Biggs, J. (1999). *Teaching for Quality Learning at University: What the Student Does*. 1st ed. Philadelphia: Society for Research into Higher Education: Open University Press.
- Cross, D. R., & Paris, S. G. (1988). Developmental and instructional analyses of children's metacognition and reading comprehension. *Journal of Educational Psychology*, 80(2), 131-142.
- Dewey, J. (1923). *Democracy and education: An introduction to the philosophy of education*. Macmillan.
- Houghton, W. (2004). *Engineering subject centre guide: Learning and teaching theory for engineering academics*. Loughborough University.
- Kandlbinder, P. (2014). Theorising teaching and learning in higher education research. In *Theory and Method in Higher Education Research II*. Emerald Group Publishing Limited.
- Lê Văn Hào (2020). Một số yếu tố tương thích trong phát triển và thực hiện chương trình đào tạo của giáo dục đại học. Kì yếu hội thảo “Nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo đại học đáp ứng yêu cầu hội nhập và đổi mới theo cách tiếp cận AUN-QA”. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, tr 3-10.
- Piaget, J. (1950). *The Psychology of Intelligence*. London: Routledge & Kegan Paul.
- Shuell, T. J. (1986). Concepciones cognitivas del aprendizaje. *Revisión de la investigación educativa*, 56(4), 411-436.
- Spady, W. G. (1994). *Outcome-Based Education: Critical Issues and Answers*. American Association of School Administrators.
- Tran, N. D., Nguyen, T. T., & Nguyen, M. T. (2011). The standard of quality for HEIs in Vietnam: A step in the right direction?. *Quality Assurance in Education*, 19(2), 130-140.
- Tyler, R. W. (1949). *Basic principles of curriculum and instruction*. Chicago: University of Chicago Press.
- Wang, X., Su, Y., Cheung, S., Wong, E., & Kwong, T. (2013). An exploration of Biggs' constructive alignment in course design and its impact on students' learning approaches. *Assessment & Evaluation in Higher Education*, 38(4), 477-491.